



KHẢO SÁT HIỆU QUẢ KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH CỦA NGHỀ LƯỚI RÊ BA LỚP Ở TỈNH BẠC LIÊU

Nguyễn Thanh Long¹

¹ Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/11/2013

Ngày chấp nhận: 23/12/2013

Title:

Technical and economic aspects of fishing with trammel nets in Bac Lieu province

Từ khóa:

Lưới rê ba lớp, kỹ thuật khai thác thủy sản, kỹ thuật và tài chính

Keywords:

Trammel net, fishing technique, technology and finance

ABSTRACT

This study was conducted from January 2013 to May 2013 in order to evaluate the technical and economic aspects of trammel net in Bac Lieu province. Primary data were collected by interviewing 33 fishermen households operating trammel nets for number of boats, fishing grounds, fishing seasons, main caught fish, production and financial performance. The results showed that the number of trammel net boats were 255 units, accounting for 36.0% of gillnet vessels and 21.9% of total fishing vessels in Bac Lieu. The trammel nets was used for boats with engines of 107.5 Hp (14.8 tons) in average. Trammel nets had 4,878 m of length and 2.5 m of height in average. The mesh size of the inner net was 50-70 mm and that of the outer nets was 200-300 mm. The trammel nets were operated in shallow waters mainly in the coastal area of Bac Lieu and Ca Mau provinces. The trammel netters can operate year-round but there were two main crops, the first crop was from March to June and the second from September to December. The average fishing production was 42.2 tons/year/boat or 8.47 kg/meter of net/year, in which trash fish accounted for 35.8% of total catches. The average gross revenues and net return were 57.6 and 25.7 million VND/trip, respectively and benefit cost ratio was 74%. The activities of trammel netters were high income and suitable for local fishermen in Bac Lieu province, therefore trammel netters need to be supported and managed properly for sustainable development.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01/2013-5/2013 nhằm đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 33 hộ ngư dân đang hoạt động khai thác bằng nghề lưới rê ba lớp với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy số lượng tàu thuyền làm nghề lưới rê ba lớp là 255 chiếc, chiếm 36,0% số tàu lưới rê và 21,9% tổng số tàu khai thác thủy sản của tỉnh Bạc Liêu. Tàu lưới rê ba lớp có công suất trung bình là 107,5 CV/tàu (14,8 tấn/tàu). Lưới rê ba lớp có chiều dài trung bình 4.878 m và chiều cao trung bình là 2,5 m. Mắt lưới bên trong có kích thước là 50-70 mm và mắt lưới bên ngoài có kích thước là 200-300 mm. Lưới rê ba lớp khai thác chủ yếu vùng biển gần bờ thuộc tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau. Lưới rê ba lớp có thể khai thác quanh năm nhưng có hai vụ chính, vụ thứ nhất khai thác từ 3 đến tháng 6 và vụ thứ hai từ tháng 9 đến tháng 12. Sản lượng khai thác trung bình 42,2 tấn/năm/tàu hoặc 8,47 kg/m lưới/năm, trong đó cá tạp chiếm 35,8%. Tổng thu nhập bình quân một chuyến biển là 57,6 triệu đồng/chuyến và lợi nhuận là 25,7 triệu đồng/chuyến với tỉ suất lợi nhuận 74%. Hoạt động của nghề lưới rê ba lớp đem lại lợi nhuận cao và ổn định cho ngư dân vùng ven biển tỉnh Bạc Liêu, chính vì vậy nghề này cần được hỗ trợ và quản lý để phát triển bền vững.

1 GIỚI THIỆU

Việt Nam có 3.260 km bờ biển, 12 đầm phá, eo biển và vịnh, 112 cửa sông và hàng ngàn đảo lớn nhỏ trải dài dọc theo bờ biển, cùng với hệ thống sông ngòi chằng chịt và các hồ chứa tạo nên một tiềm năng lớn về khai thác thủy sản (KTTS) và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản khoảng 1.700.000 ha (Lê Trần Nguyên Hùng, 2009).

Tổng sản lượng thủy sản năm 2012 đạt 5,7 triệu tấn, trong đó KTTS đóng góp một phần lớn sản lượng thủy sản của toàn ngành, với sản lượng khai thác là 2,6 triệu tấn chiếm gần 45,8% tổng sản lượng thủy sản của cả nước (Trung tâm Tin học và Thống kê – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với bờ biển dài trên 780 km chiếm 23% chiều dài bờ biển cả nước, vùng kinh tế đặc quyền khoảng 297.000 km², giáp biển Đông và Vịnh Thái Lan, vùng thềm lục địa có thế mạnh về thủy sản với trữ lượng thủy sản ước tính trên 2 triệu tấn và khả năng khai thác khoảng 830.000 tấn/năm, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế biển (Lê Văn Ninh, 2006). ĐBSCL có những đóng góp rất lớn đối với cả nước với sản lượng khai thác hàng năm dẫn đầu cả nước và sản lượng năm 2011 là 1.035 nghìn tấn chiếm 41,4% sản lượng thủy sản khai thác của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2012).

Tỉnh Bạc Liêu là một tỉnh ven biển của ĐBSCL, có 56 km bờ biển tiếp giáp biển Đông, thích hợp cho phát triển nuôi trồng và KTTS, năm 2012 sản lượng khai thác thủy sản 106.650 tấn, chiếm 10,3% tổng sản lượng khai thác thủy sản của ĐBSCL (Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản tỉnh Bạc Liêu, 2012). Các hoạt động thủy sản vùng ven biển của tỉnh Bạc Liêu đa dạng và biến đổi phức tạp, phần lớn là tự phát nhằm đáp ứng theo nhu cầu kiếm sống của người dân trong vùng. Lưới rê ba lớp có kích thước mắt lưới của lớp lưới ở giữa nhỏ nên lưới không những đánh bắt cá có kích thước lớn mà còn đánh bắt cá có kích thước nhỏ, nhất là cá con, làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản. Để quản lý tốt các hoạt động thủy sản ven biển và quyết định những định hướng phát triển ổn định cho vùng ven biển thì cần phải nghiên cứu các giải pháp quản lý cho vùng này.

Chính vì vậy, việc thực hiện đề tài “Khảo sát hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu” là cần thiết cho việc quản lý và phát triển ổn định các hoạt động vùng ven biển ở tỉnh Bạc Liêu nói riêng và ĐBSCL nói chung.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

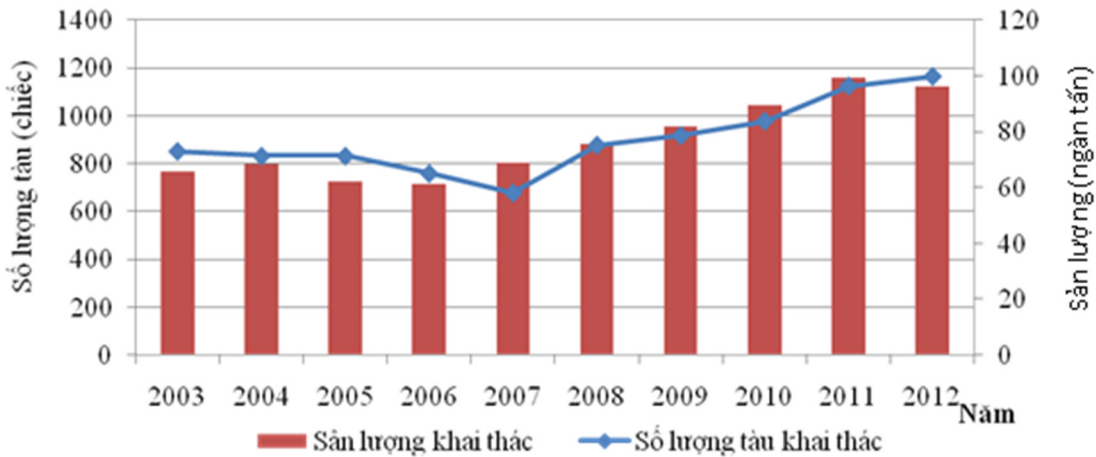
Thời gian và địa điểm thực hiện: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1/2013 đến tháng 5/2013 tại phường Nhà Mát, Cái Cùng và Gành Hào thuộc tỉnh Bạc Liêu. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 33 hộ ngư dân làm nghề lưới rê ba lớp theo bảng câu hỏi soạn sẵn để tìm hiểu về các thông tin như: Kết cấu tàu thuyền, số lượng tàu thuyền, lực lượng lao động; Ngư trường và mùa vụ khai thác; Sản lượng KTTS; Nhận thức của người khai thác về nguồn lợi thủy sản; và các thông tin về kinh tế: chi phí cố định, chi phí biến đổi và tổng thu nhập từ đó tính lợi nhuận, hiệu quả chi phí và tỉ suất lợi nhuận.

Số liệu phỏng vấn được sử dụng phần mềm SPSS for Windows để nhập số liệu và phân tích. Các kết quả được thể hiện qua thống kê mô tả như: tần suất xuất hiện, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tình hình phát triển nghề KTTS ở tỉnh Bạc Liêu

Bạc Liêu là một trong những tỉnh ven biển ở ĐBSCL, có bờ biển giáp vùng biển Đông Nam Bộ nên thuận lợi cho việc phát triển cả nuôi trồng và KTTS. Từ năm 2003 đến 2012, tổng số lượng tàu KTTS có tăng từ 582 chiếc lên 1164 chiếc (Hình 1), tuy nhiên năm 2011 số lượng tàu khai thác xa bờ ở còn thấp chiếm khoảng 35,7% tổng số lượng tàu khai thác (Tổng cục Thống kê, 2012). Bên cạnh đó, sản lượng khai thác thủy sản cũng tăng theo số lượng tàu, sản lượng tăng từ 65,8 ngàn tấn (2003) lên 96 ngàn tấn (2012) (Hình 1). Nghề KTTS ở tỉnh Bạc Liêu chủ yếu là nghề lưới rê (60%), kế đến là nghề lưới kéo (38%) và còn lại là nghề câu và nghề te (2%). Nghề lưới rê ba lớp chiếm khoảng 26% tổng số tàu lưới rê và chủ yếu khai thác ven bờ với qui mô nhỏ (Chi cục Khai thác và Bảo vệ NLTS tỉnh Bạc Liêu, 2012).



Hình 1: Sản lượng và số tàu khai thác thủy sản của tỉnh Bạc Liêu

Nguồn: Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản tỉnh Bạc Liêu, 2012

3.2 Ngư trường và sản lượng khai thác của các nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu

Ngư trường KTTS, ở ĐBSCL nói chung chủ yếu là vùng biển Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đối với nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu cũng khai thác ở vùng biển này nhưng khai thác ven bờ. Nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu có thể đánh bắt quanh năm, nhưng những tháng có sản lượng cao tập trung từ tháng 3 đến tháng 6 và từ tháng 9 đến tháng 12.

Bảng 1: Công suất, tải trọng và lực lao động của tàu lưới rê ba lớp

Nội dung	Trung bình
Tải trọng của tàu (tấn)	14,8±12,9
Công suất của máy tàu (CV)	107,5 (15-360)
Số lao động trong gia đình tham gia nghề này (người)	1,55±0,71
Số lao động trung bình trên tàu (người/tàu)	6,73±1,64

Tàu lưới rê phần lớn có công suất nhỏ hơn 90 CV (76%), những tàu có công suất lớn hơn 90 CV cũng đánh ven bờ nhưng có chuyến biển dài hơn và có thể sang biển Tây Nam Bộ để khai thác. Tàu lưới rê ba lớp có công suất trung bình là 107,5 CV/tàu và tải trọng trung bình là 14,8 tấn/tàu (Bảng 1). Trung bình mỗi tàu lưới rê ba lớp cần 6,73 lao động, chính vì vậy đây cũng là một nghề tạo việc làm cho vùng ven biển tỉnh Bạc Liêu.

Lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu có chiều dài trung bình 4.878 m và chiều cao trung bình 2,46 m

(Bảng 2). Do đánh bắt ven bờ nên chiều cao lưới tương đối ngắn, phù hợp với ngư trường khai thác. Nghề lưới rê ba lớp có hai loại kích thước mắt lưới. Lớp lưới bên trong có kích thước mắt lưới 2a trung bình là 61,2 mm và lớp lưới bên ngoài có kích thước mắt lưới 2a trung bình là 245 mm (Bảng 2).

Bảng 2: Các thông số cơ bản của lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu

Nội dung	Trung bình
Chiều dài lưới (m)	4.878±1.798
Chiều cao lưới (m)	2,46±0,43
Kích thước mắt lưới 2a nhỏ nhất (mm)	61,2 (30-70)
Kích thước mắt lưới 2a lớn nhất (mm)	245 (200-300)

Thời gian khai thác một chuyến biển của nghề lưới rê ba lớp tương đối ngắn, trung bình 5,52 ngày/chuyến biển và mỗi ngày chỉ khai thác một mẻ lưới. Trung bình mỗi tháng có thể khai thác 5,24 chuyến biển và có thể khai thác quanh năm, trung bình một năm khai thác được 10,1 tháng. Sản lượng trung bình của một chuyến biển và cả năm lần lượt là 1.309 Kg/tàu/chuyến biển và 42,2 tấn/tàu/năm (Bảng 3), kết quả cho thấy nghề lưới rê ba lớp ở Bạc Liêu khai thác có sản lượng cao nhưng có tỉ lệ cá tạp cao (35,8%), trong khi nghề rê đơn ven bờ ở tỉnh Sóc Trăng chỉ đạt 15,07 tấn/tàu/năm và tỉ lệ cá tạp là 22,5% (Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010).

Bảng 3: Thời gian và sản lượng khai thác của nghề lưới rê ba lớp

Nội dung	Trung bình
Số ngày/một chuyến biển (ngày)	5,52±3,02
Số chuyến biển/một tháng (chuyến)	5,24 (2-24)
Số tháng khai thác/năm (tháng)	10,09±0,80
Sản lượng 1 chuyến biển (kg/tàu/chuyến biển)	1.309 (120-4.560)
Sản lượng 1 năm (tấn/tàu/năm)	42,2±22,7
Tỉ lệ cá tạp (%)	35,8

3.3 Hiệu quả tài chính nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu

Kết quả khảo sát cho thấy để đầu tư trung bình cho một tàu lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu cần 397 triệu đồng (Bảng 4), trong đó tàu và máy tàu chiếm tỉ lệ cao (71,3%), ngư cụ chỉ chiếm 23,2%. Chi phí cho một chuyến biển trung bình 29,78 triệu đồng/chuyến (Bảng 4), chủ yếu là tiền nhân công (57,7%), chi phí cho nhiên liệu chỉ chiếm 20,1%. Trung bình một chuyến biển chủ tàu thu được 57,6 triệu đồng và có lợi nhuận trung bình một chuyến biển là 25,7 triệu đồng. Với lợi nhuận này đã mang lại tỉ suất lợi nhuận của nghề lưới rê ba lớp cao (0,74 lần) (Bảng 4), trong khi tỉ suất lợi nhuận của nghề lưới rê đơn và lưới kéo ven bờ ở tỉnh Sóc Trăng lần lượt chỉ là 0,31 và 0,51 (Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010).

Bảng 4: Hiệu quả tài chính của nghề lưới rê ở tỉnh Bạc Liêu

Nội dung	Giá trị
Tổng đầu tư (triệu đồng/tàu)	397,22 (116-1.010)
Tổng khấu hao (triệu đồng/chuyến biển)	2,15 (0,11-7,23)
Tổng chi phí biến đổi (triệu đồng/chuyến biển)	29,78 (2,3-101,9)
Tổng chi 1 chuyến biển (triệu đồng/chuyến biển)	31,93 (2,48-109)
Tổng thu nhập một chuyến biển (Triệu đồng/chuyến biển)	57,6 (4,8-228)
Tiền lãi (triệu đồng/chuyến biển)	25,7 (2,28-118)
Tỉ suất lợi nhuận = Lợi nhuận /tổng chi (lần)	0,74 (1,23-2,08)

3.4 Những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu

Kết quả khảo sát cho thấy nghề lưới rê được ngư dân tỉnh Bạc Liêu duy trì khai thác là do các thuận lợi chủ yếu như: (i) gần ngư trường khai thác, ngư trường khai thác của nghề lưới rê ba lớp

chủ yếu là ven biển các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau nên không cần đầu tư cho tàu đi xa bờ và ít tốn chi phí đi lại; (ii) kỹ thuật khai thác đơn giản, không đòi hỏi kỹ thuật cao nên ngư dân nào cũng có thể tham gia khai thác và đem lại hiệu quả cao; (iii) sản phẩm khai thác tiêu thụ dễ dàng vì phần lớn là các loài khai thác được có giá trị cao và (iv) có sẵn nguồn lao động nên việc tìm lao động dễ dàng.

Bên cạnh đó cũng còn nhiều khó khăn làm cản trở hoạt động khai thác của nghề lưới rê ba lớp như: (i) Giá nhiên liệu tăng cao, mặc dù chi phí nhiên liệu chỉ chiếm 20,1% nhưng giá nhiên liệu tăng cao đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nghề lưới rê ba lớp; (ii) Thời tiết thay đổi bất thường cũng đã ảnh hưởng đến thời gian khai thác và sản lượng khai thác; và (iii) Thiếu vốn đầu tư cũng là khó khăn của ngư dân làm nghề lưới rê ba lớp ở tỉnh Bạc Liêu.

Để khắc phục những hạn chế này cần có giải pháp hỗ trợ nghề lưới rê phát triển ổn định: (i) Có chính sách hỗ trợ vốn, có vốn ngư dân sẽ đầu tư nhiều hơn góp phần khai thác có hiệu quả. Có vốn ngư dân không phải đi vay vốn ở những nơi có lãi suất cao nên mang lại lợi nhuận cho ngư dân nhiều hơn; (ii) Hỗ trợ phương pháp bảo quản sản phẩm khai thác. Cần nghiên cứu phương pháp bảo quản sản phẩm khai thác cho tàu lưới rê ba lớp nói riêng và tàu khai thác thủy sản nói chung. Bảo quản sản phẩm tốt không những mang lại sản phẩm thủy sản khai thác có chất lượng tốt, đồng thời bán được giá cao và góp phần an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản phẩm thủy sản khai thác được.

Mặt khác, do đặc điểm khai thác của nghề lưới rê 3 lớp là bắt cá có kích thước nhỏ, nhất là cá con nên làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản. Để hạn chế tác động này cần hạn chế lưới rê ba lớp khai thác ven bờ, nhất là khai thác vào mùa vụ các loài thủy sản sinh sản để hạn chế tác động của lưới đến nguồn lợi thủy sản.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

– Nghề lưới rê ba lớp có thể khai thác quanh năm nhưng những tháng có sản lượng cao tập trung từ tháng 3 đến tháng 6 năm và từ tháng 9 đến tháng 12, ngư trường chủ yếu là vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

– Lưới rê ba lớp có chiều dài trung bình 4.878 m và chiều cao trung bình là 2,5 m. Mắt lưới bên trong có kích thước là 50-70 mm và mắt lưới bên ngoài có kích thước là 200-300 mm.

– Sản lượng khai thác trung bình 42,2 tấn/năm/tàu, trong đó cá tạp chiếm 35,8%. Tổng thu nhập bình quân một chuyến biển là 57,6 triệu đồng/chuyến và lợi nhuận là 25,7 triệu đồng/chuyến với tỉ suất lợi nhuận 74%.

4.2 Đề xuất

Để nghề lưới rê ba lớp phát triển ổn định thì cần có chính sách hỗ trợ vốn cho ngư dân và có giải pháp giúp ngư dân bảo quản sản phẩm khai thác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản tỉnh Bạc Liêu, 2012. Báo cáo kết quả thực hiện công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012. 8 trang.
2. Lê Trần Nguyên Hùng, 2009. Tổng quan mô hình đồng quản lý nghề cá ở Việt Nam. Báo cáo tham luận tại Hội nghị Đồng quản lý nghề cá quy mô nhỏ tại Việt Nam, Đà Nẵng từ 26 -27 tháng 10/2009. 22 trang.
3. Lê Văn Ninh, 2006. Hiện trạng nghề khai thác hải sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và một số định hướng phát triển trong thời gian tới. Tạp chí Thủy sản số 11/2006.
4. Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010. Phân tích khía cạnh kinh tế và kỹ thuật của các nghề khai thác thủy sản chủ yếu ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: 14b: 354-366
5. Tổng cục Thống kê, 2012. Niên giám Thống kê 2011. NXB Thống kê Hà Nội.
6. Trung tâm Tin học và Thống kê – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 12 tháng năm 2012 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. 19 trang.